

Bản án số: 186/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2020.
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Sơn Hùng
2. Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 16/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 11, khu dân cư, ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Quốc D, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 11, khu dân cư, ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự quen biết và tự nguyện chung sống với nhau khoảng 23 năm, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2010 tại UBND xã Bình Long. Trong thời gian chung sống, ông bà phải đi làm xa kiếm tiền nhưng khi có tiền thì ông D sinh tật bỏ bịch, dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ và tha thứ nhưng ông vẫn không sửa đổi. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Võ Quốc Ân, sinh năm 1997 và Võ Quốc Khang, sinh năm 2000. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Võ Quốc D đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn với ông D. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D, địa chỉ cư trú của ông D là tại ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Võ Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng ông vắng mặt không có lý do và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Bà T và ông D sau khi tìm hiểu thì tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/02/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang nên được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Nay bà T cho rằng cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn do ông D có mối quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, dù bà đã tha thứ nhiều lần nhưng ông vẫn không thay đổi nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông D để ông thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn tuy nhiên cho đến nay ông D vẫn vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải, xét xử và không gửi văn bản trình bày ý kiến, xem như ông tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương xác định ông D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ ấp BT, xã BL, huyện CP, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn cụ thể giữa vợ chồng ông bà như thế nào thì địa phương không rõ.

[2.4] Ông bà là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế ông bà đã ly thân từ năm 2015, cho đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nay bà T yêu cầu ly hôn do

tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trong hôn nhân, ông D không có thể hiện thiện chí muốn hàn gắn đoàn tụ gia đình, không quan tâm đến yêu cầu ly hôn của bà T. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của ông bà không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của bà T với ông D là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Võ Quốc Ân, sinh năm 1997 và Võ Quốc Khang, sinh năm 2000. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.6] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên sau khi bản án được ban hành nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân thì ông bà phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.7] Về án phí: bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Võ Quốc D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 19 ngày 22 tháng 02 năm 2010 của Ủy ban nhân dân xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Võ Quốc D không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông bà có 02 (hai) con chung tên Võ Quốc Ân, sinh năm 1997 và Võ Quốc Khang, sinh năm 2000. Hiện con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu số 0006126 ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Quốc D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương